

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/DS-PT

Ngày 23-01-2024

V/v tranh chấp quyền sử dụng
đất, quyền sở hữu tài sản gắn
liền với đất, yêu cầu chấm dứt
hành vi tranh chấp, yêu cầu
bồi thường thiệt hại do tài sản
bị xâm phạm

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Đức Chiến

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Minh Thùy

Ông Vi Đức Trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Hồng Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Lộc Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2023/TLPT-DS ngày 17 tháng 11
năm 2023 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, yêu
cầu di dời tài sản trên đất và chấm dứt hành vi tranh chấp, yêu cầu bồi thường
thiệt hại do tài sản bị xâm phạm".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2023/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2023
của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 79/2023/QĐ-PT ngày
20 tháng 12 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/QĐ-PT ngày
08/01/2024, giữa các đương sự:

I. Nguyên đơn:

1. Ông Chu Văn L, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn B, xã V, huyện C, tỉnh
Lạng Sơn; có mặt.

2. Bà Lương Thị K, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn B, xã V, huyện C, tỉnh
Lạng Sơn; vắng mặt. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Lương Thị K:

Ông Chu Văn L (theo hợp đồng uỷ quyền ngày 02-3-2023); địa chỉ: Thôn B, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

II. Bị đơn:

1. Ông Hoàng Văn L, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn N, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông Hoàng Văn L: Bà Vi Thị C (theo hợp đồng uỷ quyền ngày 20/12/2022); địa chỉ: Thôn N, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Hoàng Văn L: Bà Dương Thị Quỳnh H, Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Bà Vi Thị C, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn N, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

III. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1997;

2. Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1999;

3. Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1940;

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; đều vắng mặt. Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Văn H, chị Hoàng Thị H, ông Hoàng Văn T: Bà Vi Thị C (theo hợp đồng uỷ quyền ngày 20-12-2022 và ngày 07-6-2023); địa chỉ: Thôn N, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

4. Anh Chu Văn T, sinh năm 1995;

5. Anh Chu Văn C, sinh năm 1992;

6. Anh Chu Anh T, sinh năm 1989;

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; đều vắng mặt. Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Chu Văn T, Chu Văn C và Chu Anh T: Ông Chu Văn L; địa chỉ: Thôn B, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (theo hợp đồng uỷ quyền ngày 02-3-2023); có mặt.

7. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: Khu T, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn: Ông Hoàng Minh D; địa chỉ: Phòng Tài nguyên và môi trường huyện C, tỉnh Lạng Sơn (theo văn bản uỷ quyền số 62/UQ-UBND ngày 06-7-2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn); có mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Hoàng Văn L là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn ông Chu Văn L, bà Lương Thị K trình bày: Gia đình ông, bà có khu đất rừng diện tích 13.373,2 m² ở M, thôn B, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, đã được UBND huyện C cấp GCNQSD đất, theo quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 02-03-2011 mang tên hộ ông Chu Văn L, bà Lương Thị K đối với diện tích 13.373,2m², loại đất kí hiệu RST, thửa đất số 71, tờ bản đồ 01 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã V, tỷ lệ 1/10.000, lập năm 2008. Nguồn gốc diện tích đất thửa 71 được tách ra từ thửa 54 của gia đình ông bà, trong đó nguồn gốc đất có một phần là do cha ông khai phá để lại, một phần là do bố đẻ ông là cụ Chu A T (đã chết năm 1999) nhận chuyển nhượng từ vợ chồng ông Lý Văn P, bà Hoàng Thị D từ năm 1989, có giấy viết tay chuyển nhượng quyền sử dụng đất, sau đó gia đình ông Lý Văn P chuyển vào miền nam sinh sống. Bố đẻ ông Chu A T đã để lại cho vợ chồng ông Chu Văn L canh tác, sử dụng. Quá trình sử dụng, từ năm 1989 gia đình ông, bà đã trồng một số cây Sờ, đến năm 2000 khi thực hiện dự án Việt Đức thì trồng 2000 cây Thông, đến năm 2003 gia đình tiếp tục lấy cây Thông về trồng, một số cây phân tán xung quanh những cây Thông trồng theo dự án Việt Đức, nhưng do điều kiện chăm sóc nên cũng chết một số cây. Ngoài ra, còn một số bụi tre đã tồn tại từ những năm 1930 do ông Lý Văn P trồng, sau khi di cư vào miền nam đã nhượng lại cho gia đình quản lý, sử dụng từ năm 1989. Năm 2008 gia đình ông bà đã đi đăng ký, kê khai và được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện C cấp GCNQSD đất, đối với tổng diện tích 13.373,2 m² thửa đất số 71, tờ bản đồ 01 bản đồ địa chính xã V (nêu trên). Từ tháng 6 năm 2022 vợ chồng ông Hoàng Văn L đã có hành vi hủy hoại, chặt phá 07 cây Thông to và 04 cây Sờ do ông, bà trồng trên đất của gia đình mình và còn tự ý đào hố, trồng khoảng 300 cây Thông trên diện tích đất của gia đình. Kết quả hòa giải tại xã xác định được diện tích tranh chấp khoảng 4.000 m² ở M, thôn B, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn thuộc một phần thửa đất số 71, tờ bản đồ 01 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Chu Văn L, bà Lương Thị K, do vậy tại đơn khởi kiện ban đầu, ông bà đã yêu cầu được công nhận toàn bộ diện tích khoảng 4.000 m² nêu trên cùng toàn bộ tài sản trên đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của gia đình ông bà; yêu cầu ông Hoàng Văn L, bà Vi Thị C chấm dứt mọi hành vi tranh chấp diện tích nêu trên và di dời 300 cây Thông con đã trồng trên diện tích đất tranh chấp nêu trên, yêu cầu ông Hoàng Văn L, bà Vi Thị C phải bồi thường thiệt hại tài sản cây trồng cho gia đình ông bà số tiền 1.919.000 đồng (theo kết quả định giá trong vụ án), vì các bị đơn đã tự ý chặt 07 cây Thông, 04 cây Sờ của ông bà trồng trên đất tranh chấp. Đối với các diện tích còn lại của thửa đất 71 do hộ gia đình ông bà quản lý và sử dụng, nhưng có phần diện tích 4021m² của thửa đất 71 (các bên không tranh chấp trong vụ án này) và thửa đất 19, diện tích 185 m² không tranh chấp, hiện trạng từ tháng 6 năm 2022 do gia đình bị đơn sử dụng, vì từ tháng 6 năm 2022 gia đình bị đơn đã tự ý lên thửa đất 71 của hộ gia đình ông bà lấn chiếm, tự ý trồng cây thông con trên phần diện tích 4021m² của gia đình ông bà và thửa đất 19 (diện tích thửa 19 không nằm trong tổng diện tích thửa 71 của hộ gia đình ông bà, không nằm trong diện

tích đất đang tranh chấp giữa các bên và cũng không được UBND huyện cấp vào tổng diện tích thửa đất 71 tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất năm 2011 cho hộ gia đình ông bà).

Sau khi có kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản nguyên đơn ông Chu Văn L, bà Lương Thị K chỉ yêu cầu giải quyết tranh chấp với diện tích 3.060m² đất (kí hiệu thửa tạm 71.1 trên trích đo khu đất tranh chấp) nằm trong một phần thửa đất 71 hộ nguyên đơn được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu được sở hữu toàn bộ các cây trên đất gồm 05 cây Thông các loại, trong đó có 02 cây Thông đường kính gốc 20cm-25cm, 01 cây thông đường kính gốc 10cm-20cm, 02 cây thông đường kính gốc dưới 05cm; 01 cây Sau sau; 03 bụi tre to có 16 cây tre có ngọn, đều mọc tự nhiên cùng 80 cây Thông đường kính dưới 05 cm do bị đơn ông Hoàng Văn L, bà Vi Thị C trồng tháng 6 năm 2022 trên đất tranh chấp và trả tiền giá trị 80 cây Thông con theo kết quả định giá cho bị đơn ông Hoàng Văn L, bà Vi Thị C; yêu cầu ông Hoàng Văn L, bà Vi Thị C phải bồi thường thiệt hại số tiền 1.919.000 đồng (theo kết quả định giá trong vụ án), vì tháng 6 năm 2022 các bị đơn đã tự ý chặt 07 cây Thông ông, bà trồng năm 2003 và 04 cây Sờ của ông, bà trồng năm 1989 trên đất tranh chấp; yêu cầu gia đình bị đơn ông Hoàng Văn L, bà Vi Thị C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía gia đình bị đơn chấm dứt hành vi tranh chấp đất và tài sản trên đất nêu trên; ông, bà không đồng ý với yêu cầu của bà Vi Thị C, ông Hoàng Văn T về việc xem xét hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất đang tranh chấp đã được nhà nước cấp quyền sử dụng cho hộ gia đình ông, bà. Ông, bà xin rút một phần yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản đối với 02 bụi tre các bị đơn đã đốt, hiện trạng không còn và không tiến hành định giá được. Đối với các diện tích đất còn lại của thửa đất 71 (kí hiệu thửa tạm 71.2, diện tích 6929 m²; thửa tạm 71.3, diện tích 4021 m² trên trích đo khu đất tranh chấp) và thửa đất 19, có diện tích 185 m² gia đình ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Bị đơn bà Vi Thị C và là người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Hoàng Văn L trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là do ông Lý Văn K ở xóm C sang khai phá làm nương ruộng từ xưa, đến năm 1990 ông Lý Văn K di tản vào miền nam bán lại cho ông Lâm Nguyên T ở xóm K. Năm 1992 gia đình ông Lâm Nguyên T cũng di tản vào miền Nam nên lại bán lại cho ông Hoàng Văn T (bố của ông Hoàng Văn L), nhưng giữa ông Lâm Nguyên T và bố đẻ ông Hoàng Văn L không lập giấy tờ mua bán gì với nhau. Ngoài ra, gia đình ông bà không có tài liệu, chứng cứ gì khác. Sau đó ông Hoàng Văn T để lại cho gia đình canh tác, trồng màu từ năm 1992, còn hộ ông Chu Văn L và bà Lương Thị K đến năm 2001 có dự án trồng Thông nên mới trồng thông, trước đó vẫn còn là đất trống, từ năm 2013 do mẹ đẻ của ông Hoàng Văn L thường xuyên ốm đau, các con còn nhỏ đi học, không có người làm nên gia đình không trồng hoa màu nữa chỉ canh tác trồng lúa nước ở phần đất ruộng phía bên dưới, không thuộc diện tích thửa đất 71 đang tranh chấp. Phần đất phía trên có khu đất tranh chấp, kể cả diện tích 4021m² của thửa đất 71 và thửa đất 19, có diện tích 185 m² đều bỏ không, không

ai sử dụng. Đến tháng 6 năm 2022 do gia đình các con đã lớn, có người làm thì gia đình bị đơn mới lên khu đất thửa 71 và thửa đất 19, có diện tích 185 m² để phát dọn trồng cây thông con. Bà thừa nhận diện tích đất đang tranh chấp và cả diện tích 4021 m² kí hiệu thửa tạm 71.3 không tranh chấp trong vụ án này (kể cả thửa đất 19, diện tích 185 m² không tranh chấp) gia đình bà đã bỏ không sử dụng trồng gì từ năm 1992, do không hiểu biết nên gia đình chưa từng đi kê khai cấp giấy chứng nhận cũng như chưa được cơ quan chức năng có thẩm quyền nào công nhận quyền sử dụng đất; từ trước đến nay chưa được nhà nước cấp sổ bìa xanh lần nào. Đến tháng 6 năm 2022 gia đình lên phát dọn đất tranh chấp để trồng cây thì ông Chu Văn L nói rằng phần đất đó là của gia đình ông Chu Văn L, hai bên đã xảy ra tranh chấp. Nay nguyên đơn ông Chu Văn L, bà Lương Thị K khởi kiện gia đình bà về việc tranh chấp 3.060 m² đất rừng sản xuất ở M, thôn B, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn thuộc một phần thửa đất số 71, gia đình bà không đồng ý trả lại đất tranh chấp, vì diện tích đất này do ông cha để lại, gia đình có mua bán đang hoang; không đồng ý bồi thường thiệt hại 07 cây Thông và 04 cây Sờ vợ chồng ông bà đã chặt với tổng số tiền 1.919.000 đồng, vì các cây đó là của gia đình bà quản lý; gia đình bà yêu cầu được sử dụng đất tranh chấp, sở hữu các cây trồng trên đất, buộc gia đình nguyên đơn chấm dứt hành vi tranh chấp đất và tài sản trên đất của gia đình bà; yêu cầu xem xét hủy một phần GCNQSD đất đã cấp cho hộ ông Chu Văn L, bà Lương Thị K đối với phần diện tích đang tranh chấp, vì đất tranh chấp của gia đình bà, nhưng cơ quan có thẩm quyền lại cấp đất tranh chấp cho hộ gia đình nguyên đơn là không đúng quy định pháp luật. Đối với việc nguyên đơn yêu cầu vợ chồng bà bồi thường 02 bụi tre do vợ chồng bà đốt (tháng 6 năm 2022), hiện trạng không còn, không tiến hành định giá được, nay các nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi đối với yêu cầu này, vợ chồng bà nhất trí. Đối với các diện tích đất còn lại của thửa đất 71 (kí hiệu thửa tạm 71.2, diện tích 6929 m²; thửa tạm 71.3, diện tích 4021 m² trên trích đo khu đất tranh chấp) và thửa đất 19, có diện tích 185 m², vợ chồng bà nhất trí với yêu cầu của các nguyên đơn là không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bên phía nguyên đơn: Anh Chu Văn T, anh Chu Văn C, anh Chu Anh T là các con của nguyên đơn đều nhất trí với tất cả các ý kiến, yêu cầu của nguyên đơn ông Chu Văn L, bà Lương Thị K đã trình bày, không ai có yêu cầu độc lập.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bên phía bị đơn: Anh Hoàng Văn H và chị Hoàng Thị H là các con của bị đơn; ông Hoàng Văn T là bố đẻ bị đơn ông Hoàng Văn L đều nhất trí với tất cả các ý kiến, yêu cầu của bị đơn đã trình bày, không ai có yêu cầu độc lập.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn trình bày: Vị trí khu đất tranh chấp có diện tích 3060,0m² thuộc một phần diện tích thửa đất số 71, tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Vân Thủy, tỷ lệ 1/10.000, lập năm 2008, mục đích sử dụng là đất rừng sản xuất, địa chỉ tại M, thôn B, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, hộ gia đình nguyên đơn đã được UBND huyện

cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa sổ BK 191517, số vào sổ cấp GCN: CH00143 theo quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 02-03-2011 mang tên hộ ông Chu Văn L, bà Lương Thị K với tổng diện tích 13.373,2m²; nhưng trên tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp tỷ lệ 1/10.000, lập năm 2008 ghi diện tích 13.373m², vì diện tích thửa đất 71 tại bản đồ địa chính đất lâm nghiệp chỉ ghi diện tích theo sổ chắn. Về hồ sơ địa chính cấp GCNQSDĐ thửa đất 71 của hộ gia đình nguyên đơn đảm bảo đầy đủ, đúng quy định và đảm bảo quy trình. Trên trích đo khu đất tranh chấp có thể hiện thửa 19 (đất màu) nằm trong thửa 71 là do quá trình đo đạc tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1.000 lập năm 2006 đã đo bao vào thửa 71; tuy nhiên, thửa đất 71 UBND huyện đã cấp GCNQSDĐ thửa đất 71 cho hộ gia đình nguyên đơn là cấp theo tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp tỷ lệ 1/10.000, lập năm 2008 thì không có thể hiện có thửa đất 19, diện tích 185 m² đất màu, do đó trên sổ họa của GCNQSDĐ thửa đất 71 đã cấp cho hộ gia đình nguyên đơn không có thể hiện có thửa 19 trong đó. Thửa 19 qua kiểm tra, đối chiếu sổ sách, hồ sơ địa chính các thời kỳ thì chưa được cấp GCNQSDĐ cho ai hay đương sự nào trong vụ án. Đối với diện tích đất tranh chấp giữa các bên thuộc một phần thửa 71, không chồng lấn lên thửa đất nào khác liên kề xung quanh, không chồng lấn lên thửa đất 72 (thửa 71 được tách ra từ thửa gốc 54 của hộ gia đình nguyên đơn, còn thửa 72 cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình em trai ruột ông Chu Văn L là ông Chu Văn C (đã chết). Đối với yêu cầu xem xét hủy một phần GCNQSDĐ đã cấp cho hộ gia đình nguyên đơn đối với diện tích đất tranh chấp, UBND huyện đề nghị Tòa án nhân dân huyện kiểm tra, xác minh về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất và các chứng cứ pháp lý liên quan để giải quyết vụ việc theo quy định. Căn cứ kết quả giải quyết của Tòa án nhân dân huyện, UBND huyện sẽ chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tiến hành chỉnh lý biến động đất đai theo quy định.

Người làm chứng ông Hoàng Văn Vinh trình bày: Ông là người cùng xóm, không có quan hệ họ hàng gì với hai bên đương sự. Nguồn gốc thửa đất tại M, thôn B, xã V là của ông Hoàng Sỹ H. Ông Hoàng Sỹ H không có con trai nên sau khi ông H chết 02 người con rể là ông Lý Văn P và ông Lý Văn K quản lý sử dụng. Năm 1977, ông Lý Văn P đã trồng lúa lóc bãi đất bên trên mấy thửa ruộng cạnh từ ngoài cây tre kéo dài vào tận khu dọc phía Tây tuy nhiên đến năm 1985 thì bỏ không do đất cằn cỗi, đến nay chưa thấy ai làm cả. Ông khẳng định phần đất rừng hiện tại đang tranh chấp giữa gia đình ông Chu Văn L, bà Lương Thị K với gia đình ông Hoàng Văn L, bà Vi Thị C là của gia đình ông Chu Văn L thuộc phần bãi đất trước đây ông Lý Văn P trồng lúa lóc.

Người làm chứng bà Lăng Thị P trình bày: Bà là người cùng xóm, không có quan hệ họ hàng gì với hai bên đương sự. Gia đình bà có 01 dải gồm nhiều thửa đất ruộng phía dưới khu vực đang tranh chấp giữa gia đình ông Chu Văn L, bà Lương Thị K với gia đình ông Hoàng Văn L, bà Vi Thị C. Quá trình sử dụng, bà có thấy gia đình ông Hoàng Văn L, bà Vi Thị C canh tác, sử dụng trồng hoa màu đến năm 2013 không trồng màu mà chuyển sang trông coi, phát dọn. Bà khẳng định diện tích đất đang tranh chấp là phần đất nương của gia đình ông

Hoàng Văn L, bà Vi Thị C. Hết phần đất nương này mới đến phần đất rừng của gia đình ông Chu Văn L, bà Lương Thị K.

Người làm chứng bà Hoàng Thị N trình bày: Gia đình bà là chủ sử dụng thửa đất số 72 liền kề với thửa đất đang tranh chấp. Sau khi về làm dâu, quá trình chung sống vào khoảng năm 1988-1989 bố chồng bà là ông Chu A T mua lại của gia đình ông Lý Văn P, bà Hoàng Thị D diện tích đất ở M, thôn Bản Thí. Sau khi vợ chồng bà được bố mẹ chia cho một phần đất trong đó có cả phần nhà cũ của ông Lý Văn P để canh tác, sử dụng từ năm 1989 đến nay, gia đình đã đi kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ gia đình ông Chu Văn C.

Người làm chứng bà Hoàng Thị N trình bày tại phiên tòa: Bà là em ruột ông Hoàng Văn L, nguồn gốc đất tranh chấp là đất ông cha bà để lại cho bị đơn sử dụng trồng màu từ 1992, sau đó gia đình bị đơn không có người nên bỏ không sử dụng, đến tháng 6/2022 gia đình bị đơn lên phát dọn, trồng cây thông thì xảy ra tranh chấp với nguyên đơn.

Người làm chứng ông Hoàng Văn Đ trình bày: Ông thấy bà vợ ông Chu Văn L trồng lúa nước nhưng không được ăn, sau đó thì trồng ngô, đỗ; còn bãi đất hoang toàn cỏ may kéo dài từ bụi tre vào đến tận khe dọc, từ trước đến nay ông không thấy có ai làm nương, các hộ gia đình ở xóm C và K vẫn thường xuyên chăn thả trâu từ trước đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp, kết quả như sau: Diện tích đất tranh chấp là 3.060 m² thuộc một phần thửa đất số 71, tờ bản đồ 01 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã V tỷ lệ 1/10.000 lập năm 2008 tại địa danh, địa chỉ thuộc M, Thôn B, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, có tổng diện tích 13.373,2 m², loại đất kí hiệu RST, đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa sổ BK 191517, sổ vào sổ cấp GCN: CH00143 theo quyết định số: 553/QĐ-UBND ngày 02-3-2011 mang tên hộ ông Chu Văn L, bà Lương Thị K, có các phía tiếp giáp như sau: Phía Đông giáp phần còn lại của thửa đất số 71 không có tranh chấp; phía Tây giáp thửa đất số 72 của gia đình ông Chu Văn C, bà Hoàng Thị N; phía Nam giáp phần còn lại của thửa đất số 71 không có tranh chấp; phía Bắc giáp phần còn lại của thửa đất số 71 không có tranh chấp.

Đối chiếu với văn tự mãi nương ngày 16-01-1990 do gia đình bị đơn cung cấp, do văn tự không ghi rõ địa danh, địa điểm, tứ cận nên không có căn cứ xác định diện tích trong văn tự trùng với diện tích đất tranh chấp thuộc thửa 71.

Qua chồng ghép bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã V tỷ lệ 1/10.000, lập năm 2008 với Bản đồ địa chính xã V tỷ lệ 1/1.000 lập năm 2006: Diện tích đất tranh chấp 3.060 m² thuộc một phần thửa đất số 71, tờ bản đồ 1 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã V tỷ lệ 1/10.000 lập năm 2008 thuộc M, Thôn B, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn có nguồn gốc từ thửa số 54 và 40 tờ bản đồ số 3, đối chiếu với sổ mục kê lưu giữ tại Ủy ban nhân dân xã V thì người đứng tên trong sổ mục kê thửa 54 là ông Chu Văn L, thửa 40 chưa ai đứng tên. Đối với Bản đồ địa chính

xã V tỷ lệ 1/1.000 lập năm 2006, chồng ghép bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã V tỷ lệ 1/10.000 lập năm 2008 diện tích 185m² đất màu thuộc thửa 19 từ trước đến nay chưa được cấp GCNQSD đất cho ai; hiện trạng từ tháng 6-2022 gia đình bị đơn ông Hoàng Văn L, bà Vi Thị C trồng cây Thông nhỏ vào tháng 6-2022. Kết quả chồng ghép giữa 2 loại bản đồ nêu trên thì diện tích 185m² thuộc thửa 19 không nằm trong tổng diện tích 13.373,2 m² của thửa số 71, tờ bản đồ 1 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã V tỷ lệ 1/10.000 và cũng không nằm trong diện tích đất 3.060 m² các bên đang tranh chấp nêu trên. Đối với thửa 71 được đo vẽ theo bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã V tỷ lệ 1/10.000 lập năm 2008 được đo độc lập, bao cả thửa 19. Theo tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1.000 lập năm 2006 mới thể hiện có thửa 19 diện tích 185m² đất màu. Nhưng không bao gồm diện tích 185m² đất màu của thửa 19.

Tài sản trên đất tranh chấp gồm: 80 cây Thông con do bị đơn ông Hoàng Văn L, bà Vi Thị C trồng tháng 6-2022; 05 cây Thông các loại mọc tự nhiên, trong đó có 02 cây Thông đường kính gốc 20cm-25cm, 01 cây thông đường kính gốc 10cm-20cm, 02 cây thông đường kính gốc dưới 05cm; 01 cây Sau Sau mọc tự nhiên, đường kính gốc từ 20 đến 25cm; 03 bụi tre to có 16 cây tre có ngọn; 07 gốc cây Thông đã chặt hạ, trong đó có 03 cây không còn thân, chỉ còn gốc, 04 cây còn gốc và có thân nằm bên cạnh đã khô; 04 gốc cây Sờ đã chặt hạ không còn thấy thân cây, chỉ còn gốc. Đối với 02 bụi tre do bị đơn đốt, qua xem xét thẩm định tại chỗ trên hiện trạng không còn, các bên đương sự không yêu cầu Hội đồng định giá.

Do các đương sự không thỏa thuận được về giá trị tài sản tranh chấp nên Hội đồng định giá đã quyết định định giá như sau: Đất tranh chấp có giá là 15.300.000 đồng. Tài sản trên đất tranh chấp: 82 cây Thông con đường kính gốc dưới 05 cm (trong đó có 80 cây do các bị đơn ông Hoàng Văn L, bà Vi Thị C trồng tháng 6-2022 và 02 cây mọc tự nhiên) có giá 16.000 đồng/cây, thành tiền là 1.312.000 đồng; 01 cây Thông mọc tự nhiên đường kính gốc từ 10 đến 20 cm, có giá 70.000 đồng/cây = 70.000 đồng; 02 cây Thông mọc tự nhiên đường kính gốc từ 20 đến 25 cm, có giá 117.000 đồng/cây = 234.000 đồng; 01 cây Sau Sau mọc tự nhiên đường kính gốc từ 20 đến 25 cm có giá 117.000 đồng/cây = 117.000 đồng; 03 bụi tre tổng 16 cây tre có ngọn có giá 10.500 đồng/cây = 168.000 đồng; tổng giá trị tài sản các cây trồng trên đất tranh chấp là 1.901.000 đồng. Đối với 07 gốc cây Thông và 04 gốc cây Sờ do bị đơn chặt hạ, có giá trị khi còn sống là 1.919.000 đồng. Đối với 02 bụi tre do bị đơn chặt tháng 6/2022, qua xem xét trên hiện trạng không còn, do vậy các đương sự không yêu cầu định giá, Hội đồng định giá không tiến hành định giá đối với 02 bụi tre này.

Tòa án đã tiến hành xác minh về nguồn gốc đất tranh chấp và các vấn đề liên quan tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C. Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã V cho thấy: Đối với việc thỏa thuận nhượng, ruộng giữa ông Lý Văn K, ông Lâm Nguyên T, ông Hoàng Văn T xã không nắm được thông tin gì do người dân tự thỏa thuận, không thông qua công chứng, chứng thực. Trong văn tự mãi nhượng năm 1990, bán nhượng giữa ông Lý Văn K và ông Lâm Nguyên T,

do bị đơn ông Hoàng Văn L cung cấp không có nội dung việc bán, chuyển nhượng diện tích đất đang tranh chấp và xã không biết họ bán, chuyển nhượng loại đất gì, ở vị trí nào.

Tòa án đã tiến hành xác minh về đất tranh chấp và các vấn đề liên quan tại Hạt kiểm lâm huyện C. Kết quả cho thấy trong hồ sơ giao đất, giao rừng lưu có tên hộ gia đình ông Chu Văn L ở thôn 02, bản C, N, xã V, huyện C, năm 1995 được giao 03 lô đất, cụ thể: Lô 31, diện tích 1,0 ha tại địa danh L, hiện trạng khi giao đất là đất trống; lô 23, diện tích 1,5 ha tại địa danh H, hiện trạng khi giao đất là đất trống; lô 84, diện tích 2,7 ha tại địa danh Đ, hiện trạng khi giao đất là đất trống. Các hộ ông Hoàng Văn T, ông Hoàng Văn L không thấy có tên trong hồ sơ lưu.

Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc khu đất tranh chấp và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Tổng cộng là 19.737.000 đồng. Các chi phí này đều do nguyên đơn ông Chu Văn L chi tạm ứng. Các bên đương sự đều yêu cầu Tòa án giải quyết chi phí tố tụng theo quy định pháp luật.

Với nội dung vụ án nêu trên. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2023/DS-ST ngày 20/96/2023 của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Chu Văn L và bà Lương Thị K:

Về quyền sử dụng đất: Hộ gia đình ông Chu Văn L, bà Lương Thị K được quyền sử dụng diện tích 3.060 m² (kí hiệu thửa tạm 71.1) đất rừng sản xuất, thuộc một phần thửa đất số 71, tờ bản đồ 01 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã V tỷ lệ 1/10.000, lập năm 2008, thuộc M, Thôn B, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, có tổng diện tích 13.373,2 m², đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa sổ BK 191517, số vào sổ cấp GCN: CH00143 theo quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 02-3-2011 mang tên hộ ông Chu Văn L, bà Lương Thị K, có các phía tiếp giáp: (Chi tiết chiều dài các cạnh của diện tích đất nêu trên theo Trích đo khu đất tranh chấp kèm theo Bản án).

Về quyền sở hữu tài sản: Hộ gia đình ông Chu Văn L, bà Lương Thị K được quyền sở hữu tài sản cây trồng trên diện tích đất 3.060 m² (kí hiệu thửa tạm 71.1 thuộc một phần thửa đất 71 như đã nêu trên) gồm có 80 cây Thông con đường kính gốc dưới 05 cm và 05 cây Thông các loại mọc tự nhiên, trong đó có 02 cây Thông đường kính gốc 20cm-25cm, 01 cây thông đường kính gốc 10cm-20cm, 02 cây thông đường kính gốc dưới 05cm; 01 cây Sau Sau, đường kính gốc từ 20 đến 25 cm; 03 bụi tre to có 16 cây tre có ngọn.

Các nguyên đơn ông Chu Văn L, bà Lương Thị K có trách nhiệm trả giá trị 80 cây Thông con, đường kính gốc dưới 05 cm cho các bị đơn ông Hoàng Văn L và bà Vi Thị C với số tiền là 1.280.000 đồng.

Buộc các bị đơn ông Hoàng Văn L, bà Vi Thị C phải bồi thường thiệt hại tài sản cho ông Chu Văn L, bà Lương Thị K số tiền là 1.919.000 đồng.

Buộc các bị đơn ông Hoàng Văn L, bà Vi Thị C cùng những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía bị đơn anh Hoàng Văn H, chị Hoàng Thị H, ông Hoàng Văn T chấm dứt hành vi tranh chấp đối với diện tích đất 3.060 m² và tài sản trên đất thuộc một phần thửa đất 71 (kí hiệu thửa tạm 71.1).

Đình chỉ giải quyết đối với một phần yêu cầu khởi kiện bồi thường thiệt hại về tài sản đối với 02 bụi tre do các nguyên đơn đã rút yêu cầu. Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại nội dung đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, nghĩa vụ chậm trả, án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, bị đơn ông Hoàng Văn L có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm. Đề nghị cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận quyền quản lý sử dụng đất tranh chấp và tài sản trên đất tranh chấp cho bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn ông Hoàng Văn L và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Liền giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Các nguyên đơn không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết kháng cáo: Kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Văn L làm trong thời hạn luật định nên kháng cáo là hợp lệ.

Xét nội dung kháng cáo của bị đơn, ông Hoàng Văn L kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới cũng như căn cứ chứng minh phục vụ cho việc kháng cáo của mình. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng quy định pháp luật. Do đó, việc kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Văn L; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 20/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn. Về án phí phúc thẩm: Giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Phiên tòa đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, một số đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự vắng mặt, nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan,

người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có mặt và Kiểm sát viên đều đề nghị xét xử vắng mặt họ. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Văn L; Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng; căn cứ vào Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, Biên bản định giá tài sản (BL 127 đến 137) và các Văn bản, tài liệu, hồ sơ có liên quan đến vụ án của UBND huyện C, tài liệu hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; kết quả xác minh và hồ sơ địa chính liên quan đến thửa đất 71, thể hiện diện tích đất tranh chấp 3.060 m² thuộc một phần thửa đất số 71, tờ số 01 bản đồ địa chính xã V tỷ lệ 1/10.000 lập năm 2008, đã được UBND huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 02-3-2011 mang tên hộ ông Chu Văn L, bà Lương Thị K; đối chiếu với sổ mục kê, bản đồ địa chính qua các thời kỳ thì diện tích đất tranh chấp thuộc thửa đất 71 nằm trong thửa đất 54, tờ bản đồ địa chính xã V, tỷ lệ 1/1.000 lập năm 2006 đứng tên ông Chu Văn L, khi nhà nước có chính sách cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ bìa đỏ) cho các hộ gia đình sử dụng đất ổn định, hộ gia đình nguyên đơn đã đi kê khai và được quy chủ đối với thửa đất số 71, trong đó có diện tích đang tranh chấp.

[3] Gia đình bị đơn thừa nhận chưa từng đi kê khai hay làm thủ tục xin cấp quyền sử dụng đất đối với diện tích đang tranh chấp lần nào và tại khu vực đất tranh chấp hiện nay có tài sản của gia đình bị đơn trồng là 80 cây Thông con vào tháng 6 năm 2022, như vậy, tài sản là 80 cây Thông con hình thành sau thời điểm có tranh chấp và ngày thời điểm bị đơn trồng 80 cây thông con này lên thì giữa các bên đương sự đã xảy ra tranh chấp. Qua kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, chồng ghép Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã V tỷ lệ 1/10.000, lập năm 2008 với Bản đồ địa chính xã V tỷ lệ 1/1.000 lập năm 2006 cho thấy đất tranh chấp có nguồn gốc đất của gia đình nguyên đơn. Tại thực địa có tài sản trên đất là 04 gốc cây Sồi, 07 gốc cây Thông to do nguyên đơn trồng, bị đơn thừa nhận và bị đơn đã chặt hạ tháng 6-2022, hiện các cây bị chặt hạ vẫn còn trên đất tranh chấp, trong đó có 04 cây Thông to còn thân cây nằm trên đất, các cây còn lại gốc và các bụi tre. Mặt khác, nguyên đơn đã trồng cây trên đất từ những năm 2000, 2003 và đã được cấp GCNQSDĐ năm 2011. Đến tháng 6-2022 gia đình bị đơn ông Hoàng Văn L, bà Vi Thị C mới đem trồng cây Thông nhỏ lên thửa đất số 71 của nguyên đơn và đây là nguyên nhân xảy ra tranh chấp giữa các bên.

[4] Xét về tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản trên đất tranh chấp: Đối với 80 cây thông đường kính gốc dưới 05 cm do các bị đơn trồng trên đất tranh chấp từ tháng 6-2022, sau khi các bị đơn trồng thì giữa hai bên nguyên đơn và bị đơn đã xảy ra tranh chấp, căn cứ biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và Biên bản định giá tài sản ngày 22/5/2023, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử buộc các nguyên đơn có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản 80 cây Thông con đường kính gốc dưới 05cm, theo kết quả định giá của Hội đồng định giá tương ứng số tiền là 1.280.000 đồng cho các bị đơn là phù hợp và đảm bảo sự phát triển của cây. Đồng thời; buộc phía các bị đơn phải bồi thường thiệt hại tài sản là 07 cây Thông to và

04 cây Sở cho phía nguyên đơn là có căn cứ và đúng pháp luật vì: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn ông Hoàng Văn L, bà Vi Thị C đều thừa nhận 07 cây Thông to và 04 cây Sở trên đất tranh chấp là do các bị đơn đã chặt hạ vào tháng 6/2022. Nên Bản án sơ thẩm buộc bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn theo Hội đồng định giá là khi còn sống có giá trị là 1.919.000 đồng, là phù hợp quy định của pháp luật. Do đó, kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Văn L, đề nghị sửa bản án sơ thẩm, công nhận quyền quản lý sử dụng đất tranh chấp và tài sản trên đất tranh chấp cho gia đình ông là không có căn cứ để chấp nhận.

[5] Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Văn L; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 20/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng.

[6] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Hoàng Văn L, không được Hội đồng xét xử chấp nhận vì không có căn cứ.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[8] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Hoàng Văn L không được chấp nhận, nên phải chịu án phí phúc thẩm. Tuy nhiên, ông Hoàng Văn L là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo khoản đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ, khoản 1, Điều 12, Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Văn L; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 20/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Hoàng Văn L được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án dân sự phúc có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- HCTP; P. KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

Cao Đức Chiến